

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DSST

Ngày 25 tháng 9 năm 2020

“V/v chia tài sản chung và chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Hằng và ông Vũ Gia Đính

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Chia tài sản chung và chia thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1933; địa chỉ: Khu 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 41, ngõ 33, đường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Ông Cao Đức T1, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Đông Phú 2, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Ông Cao Văn TH, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 68, tổ 11, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

- Bà Cao Thị L1, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông TH, bà L1: Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 41, ngõ 33, đường HV, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bạch Y trình bày:

Cụ Nguyễn Thị T và cụ Cao Thanh H kết hôn với nhau năm 1953 và có 4 người con chung là Cao Thị L, Cao Văn TH, Cao Đức T1 và bà Cao Thị L1. Ngoài ra không còn người con chung, con riêng và con nuôi nào khác. Hiện nay các con của các cụ đã xây dựng gia đình và có nhà đất riêng. Quá trình chung sống cụ H và cụ T có tạo dựng được tài sản chung gồm có: 01 nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 57,5m², tại thửa đất số 30, tờ bản đồ 74, tại khu hành chính 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) ngày 22/4/2009. Ngày 04/6/2014, cụ H chết không để lại di chúc. Đầu năm 2020, cụ T có nhu cầu phá dỡ ngôi nhà cấp 4 cũ để xây dựng nhà mới nhưng ông T1 không đồng ý. Mặc dù cụ T và các con đã nhiều lần thỏa T1 thống nhất việc phân chia di sản của cụ H nhưng ông T1 không THện chí còn thách thức và ngăn cản. Để đảm bảo quyền lợi của cụ T, nay cụ T đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của cụ T và cụ H là quyền sử dụng diện tích đất 57,5m² nêu trên để cụ T được quyền sử dụng diện tích đất 28,75m². Phần quyền sử dụng diện tích đất của cụ H là 28,75m². Cụ T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ H để lại và yêu cầu thanh toán công duy trì tôn tạo tài sản cho cụ T theo quy định pháp luật.

Bị đơn là ông Cao Đức T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là bà Cao Thị L được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có L1 do. Tòa án trực tiếp lấy lời khai nhưng ông T1 và bà L không đưa ra quan điểm về vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Văn TH là bà Nguyễn Thị Bạch Y trình bày:

Ông TH đồng ý như trình bày và yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Nay cụ T yêu cầu chia tài sản chung của cụ T, cụ H và chia di sản thừa kế của cụ H thì ông TH đồng ý phân chia.

Bà Cao Thị L1 và Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị L1 là bà Nguyễn Thị Bạch Y trình bày:

Bà L1 đồng ý như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Quá trình các cụ sử dụng đất năm 2007 các cụ có nói tặng cho bà L1 ½ diện tích đất của các cụ tại thửa đất số 30 tờ bản đồ 74; địa chỉ thửa đất tại Khu hành chính 5, phường LB, thành phố V có diện tích 115m². Đến năm 2013, cụ T, cụ H và bà L1 mới làm thủ tục, giấy tờ và bà L1 đã được cấp GCNQSDĐ diện tích đất 57,5m² tại thửa số 96, tờ bản đồ 74. Lúc này trên đất có 01 nhà cấp 4 trên diện tích đất. Sau đó, bà L1 xây dựng nhà có dỡ 01 gian buồng và nhà vệ sinh để xây dựng nhà mới, còn một phần nhà cấp 4 cũ hiện nay cụ T vẫn đang sử dụng. Theo diện tích đất mà các cụ tặng cho bà L1 và bà L1 được cấp GCNQSDĐ thì một phần nhà cấp 4 của các cụ (cụ T đang sử dụng) nằm trong phần diện tích đất 57,5m² của bà L1. Nay cụ T yêu cầu chia tài sản chung của cụ T với cụ H và chia thừa kế di sản của cụ H thì bà L1 đồng ý và đề nghị phân chia theo quyền sử dụng đất của cụ T, cụ H trong

GCNQSDĐ. Trường hợp bà L1 được chia phần di sản của cụ H thì bà L1 để lại cho cụ T được quyền sử dụng và cụ T không phải thanh toán gì cho bà L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 33; khoản 1, 2 Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, 658, khoản 1 Điều 667, 669, 676 và 733 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T. Giao cho cụ Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 57,5m², tại thửa đất số 30, tờ bản đồ 74, tại khu hành chính 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong đó: Diện tích đất 28,75m² là phần tài sản chung cụ Nguyễn Thị T được chia trong khối tài sản chung với cụ Cao Thanh H; diện tích đất 25m² cụ Nguyễn Thị T được chia trong khối di sản thừa kế cụ Cao Thanh H để lại và diện tích đất 3,75m² công duy trì, tôn tạo tài sản của cụ T. Cụ Nguyễn Thị T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Cao Thị L, ông Cao Đức T1 và ông Cao Văn TH mỗi người số tiền 75.000.000đ. Về án phí các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cụ Cao Thanh H chết ngày 14/6/2014 và cụ T có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế năm 2020 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tài sản chung và di sản là quyền sử dụng đất và bị đơn có địa chỉ tại phường LB, thành phố V theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Bị đơn là ông T1 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà L được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có L1 do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T1 và bà L theo Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Cụ Nguyễn Thị T và cụ Cao Thanh H kết hôn với nhau năm 1953. Quá trình chung sống các cụ có tạo dựng được khối tài sản chung là 01 nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 115m², tại thửa đất số 30, tờ bản đồ 74, tại khu hành chính 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được UBND thành phố V cấp GCNQSDĐ ngày 22/4/2009. Nguồn gốc diện tích đất trên do các cụ nhận chuyển nhượng của ông Phan Anh Tuấn. Quá trình sử dụng đất năm 2013 cụ H và cụ T đã tặng cho con là bà Cao Thị L1 diện tích 57,5m² đất và bà L1 đã được UBND thành phố V cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 57,5m² tại thửa đất số 96, tờ bản đồ 74. Nên cần xác định khối tài sản chung của cụ H và cụ T là diện tích đất 57,5m², tại thửa đất số 30, tờ bản đồ 74, tại khu hành chính 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và 01 cấp 4 xây dựng trên diện tích đất.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện ngôi nhà cấp 4 hiện cụ T đang ở nằm trên 01 phần diện tích đất các cụ đã cho bà L1 và bà L1 đã được cấp GCNQSDĐ và hiện nay ngôi nhà cấp 4 không còn giá trị sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người

đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung đôi với diện tích đất 57,5m² đã được cấp GCNQSDĐ.

Nay cụ T yêu cầu chia tài sản chung của cụ T, cụ H nên cần chia cho cụ T ½ diện tích đất trên là 28,75m² (trị giá 431.250.000đ) là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 66 của luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ H xác định. Ngày 04/6/2014, cụ Cao Thanh H chết, Người đại diện theo ủy quyền của cụ T, ông TH, bà L1 xác định cụ H chết không để lại di chúc. Ông T1, bà L không đưa ra quan điểm và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện cụ H chết không để lại di chúc nên Hội đồng xét xử xác định cụ H chết không để lại di chúc, di sản thừa kế của cụ H được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm có cụ Nguyễn Thị T, bà Cao Thị L, ông Cao Văn TH, ông Cao Đức T1 và bà Cao Thị L1.

Di sản của cụ H để lại và cụ T yêu cầu chia thừa kế là diện tích đất 28,75m² (trị giá 431.250.000đ).

Xét yêu cầu của cụ T về công duy trì, tôn tạo tài sản là di sản thừa kế của cụ H thấy: Từ khi cụ H chết đến nay, cụ T là người trực tiếp bảo quản, duy trì, tôn tạo toàn bộ khối tài sản chung của các cụ trong đó có phần di sản do cụ H để lại nên Hội đồng xét xử cần cắt 3,75m² (trị giá 56.250.000đ) trong phần diện tích đất di sản của cụ H cho cụ T là phù hợp. Đối với diện tích đất còn lại là 25m² chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm: Cụ Nguyễn Thị T, bà Cao Thị L, ông Cao Văn TH, ông Cao Đức T1 và bà Cao Thị L1. Mỗi người được chia diện tích đất 5m² (trị giá 75.000.000đ). Tuy nhiên xét thấy diện tích đất mà hàng thừa kế thứ nhất của cụ H được chia có diện tích nhỏ, các con của cụ T, cụ H cũng đều đã có chỗ ở ổn định nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cho cụ T được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất di sản của cụ H để lại và cụ T có nghĩa vụ thanh toán giá trị diện tích đất cho người được phân chia là phù hợp.

Đối với yêu cầu của bà L1 đề nghị để phần tài sản được chia của bà L1 cho cụ T được quyền sử dụng và cụ T không phải thanh toán giá trị tài sản cho bà L1. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L1 và được đại diện của cụ T đồng ý nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 57,5m², tại thửa đất số 30, tờ bản đồ 74, tại khu hành chính 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Trong đó: Diện tích đất 28,75m² là phần tài sản cụ Nguyễn Thị T được chia trong khối tài sản chung với cụ Cao Thanh H; diện tích đất 25m² cụ Nguyễn Thị T được chia trong khối di sản thừa kế cụ Cao Thanh H để lại và diện tích đất 3,75m² công duy trì, tôn tạo tài sản của cụ T) cho cụ T và cụ T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Cao Thị L, ông Cao Đức T1 và ông Cao Văn TH là phù hợp.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là 01 nhà cấp 4 và chia thừa kế đối với di sản là $\frac{1}{2}$ căn nhà cụ T đang ở. Nhưng qua định giá tài sản ngôi nhà cấp 4 hiện nay không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét phân chia là phù hợp.

Đối với diện tích đất thừa so với GCNQSDĐ được cấp của T. Cụ H. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện diện tích đất này là diện tích đất hồ Bảo Sơn đang do Chính quyền địa phương quản L1 và các đương sự không yêu cầu phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Do cụ T là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho cụ T. Các đương sự khác pH chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33; khoản 1, 2 Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 611, 612, 613, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 633, 644 của Bộ luật dân sự; các Điều 26, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T.

[2] Giao cho cụ Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 57,5m², tại thửa đất số 30, tờ bản đồ 74, tại khu hành chính 5, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; có cạnh 1-4 dài 3,40m giáp đường giao thông; cạnh 1-2 dài 16,90m giáp đất bà Huệ, cạnh 2-3 dài 3,39m giáp đất hồ Bảo Sơn (cụ T đang sử dụng), cạnh 3-4 dài 16,90m giáp đất bà L1 (cụ T đang sử dụng) (có sơ đồ kèm theo). Trong đó: Diện tích đất 28,75m² là phần tài sản cụ Nguyễn Thị T được chia trong khối tài sản chung với cụ Cao Thanh H và diện tích đất 25m² cụ Nguyễn Thị T được chia trong khối di sản thừa kế cụ Cao Thanh H để lại và diện tích đất 3,75m² công duy trì, tôn tạo tài sản của cụ T.

Cụ Nguyễn Thị T pH thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Cao Thị L, ông Cao Đức T1 và ông Cao Văn TH mỗi người số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

[4] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được TH hành án có đơn yêu cầu TH hành án, người pH TH hành án còn pH trả lãi đối với số tiền chậm TH hành án tương ứng với thời gian chậm TH hành án. Lãi suất phát sinh do chậm TH hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được TH hành theo quy định tại Điều 2 Luật TH hành án dân sự thì người được TH hành án dân sự, người pH TH hành án dân sự có quyền thỏa T1 TH hành án, quyền yêu cầu TH hành án, tự nguyện TH hành án hoặc bị cưỡng chế TH hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật TH hành án dân sự, thời hiệu TH hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật TH hành án dân sự.

[6] Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị T. Bà Cao Thị L, ông Cao Văn TH và ông Cao Đức T1 mỗi người pH chịu 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Màu Văn Mùi